



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2214/QĐ-BTC**

Hà Nội, ngày **14** tháng **8** năm **2026**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực quản lý nợ và kinh tế đối ngoại thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Bộ Tài chính**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 166/NQ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Luật số 141/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công (Luật số 141/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 84/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực quản lý nợ công (Nghị định số 84/2026/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý nợ và kinh tế đối ngoại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. Nội dung chi tiết tại phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố của các thủ tục hành chính nội bộ số thứ tự 125 và 126 tại mục 1 Phần I Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Văn phòng Bộ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu VT, QLN (03b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NỢ VÀ KINH TẾ
ĐỐI NGOẠI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 2214 /QĐ-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Bộ Tài chính)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

Danh mục thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Mã số TTHC nội bộ	Tên TTHC nội bộ	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
A. Thủ tục hành chính nội bộ cấp trung ương						
1		Quyết định hạn mức bảo lãnh Chính phủ hàng năm trong trường hợp thuộc thẩm quyền của Chính phủ	Luật số 141/2025/QH15; Nghị định số 84/2026/NĐ-CP	Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại	Chính phủ	Quyết định số 1534/QĐ-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính (STT 125 tại mục 1 Phần I Phụ lục II)
2		Quyết định kế hoạch vay, trả nợ công hàng năm	Luật số 141/2025/QH15; Nghị định số 84/2026/NĐ-CP	Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 1534/QĐ-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính (STT 126 tại mục 1 Phần I Phụ lục II)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

A. Thủ tục hành chính nội bộ cấp trung ương

I. Lĩnh vực Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại

1. Tên thủ tục: Quyết định hạn mức bảo lãnh Chính phủ hằng năm trong trường hợp thuộc thẩm quyền của Chính phủ

1.1. Trình tự thực hiện:

- Trường hợp dự kiến tốc độ tăng dư nợ bảo lãnh Chính phủ vượt quá tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội của năm trước, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định hạn mức bảo lãnh Chính phủ hằng năm trước khi tổng hợp vào kế hoạch vay, trả nợ công hằng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 84/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 94/2018/NĐ-CP.

- Sau khi kế hoạch vay, trả nợ công hằng năm đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trường hợp phát sinh nhu cầu điều chỉnh kế hoạch cấp bảo lãnh Chính phủ dẫn đến tốc độ tăng dư nợ bảo lãnh Chính phủ vượt quá tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội của năm liền kề trước đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh hạn mức bảo lãnh Chính phủ hằng năm theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 84/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 16 Nghị định số 94/2018/NĐ-CP.

1.2. Cách thức thực hiện: Trình Chính phủ quyết định

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Hạn mức bảo lãnh Chính phủ

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài chính.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chính phủ.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết của Chính phủ về hạn mức bảo lãnh Chính phủ hằng năm hoặc điều chỉnh hạn mức bảo lãnh Chính phủ hằng năm.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tốc độ tăng dư nợ bảo lãnh Chính phủ dự kiến vượt quá tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội của năm trước; hoặc phát sinh nhu cầu điều chỉnh kế hoạch cấp bảo lãnh Chính phủ sau khi kế hoạch vay, trả nợ công hằng năm đã được phê duyệt dẫn đến tốc độ tăng dư nợ bảo lãnh Chính phủ dự kiến vượt quá tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội của năm liền kề trước đó.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 4 Điều 13 và khoản 4 Điều 24 Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 141/2025/QH15;

- Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 84/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 94/2018/NĐ-CP;

- Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 84/2026/NĐ-CP bổ sung khoản 7 Điều 16 Nghị định số 94/2018/NĐ-CP.

2. Tên thủ tục: Quyết định kế hoạch vay, trả nợ công hằng năm

2.1. Trình tự thực hiện:

- Đối tượng vay lại, đối tượng được bảo lãnh lập kế hoạch vay, trả nợ đối với các khoản vay lại và bảo lãnh Chính phủ, gửi Bộ Tài chính để xác định hạn mức vay ODA, vay ưu đãi về cho vay lại và hạn mức bảo lãnh Chính phủ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 84/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Nghị định số 94/2018/NĐ-CP.

- Căn cứ tổng mức vay, trả nợ của ngân sách nhà nước hằng năm đã được Quốc hội quyết định, Bộ Tài chính xây dựng kế hoạch vay, trả nợ công hằng năm, bao gồm cả hạn mức vay về cho vay lại và hạn mức bảo lãnh Chính phủ, trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 11 của năm liền kề trước năm kế hoạch theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 84/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 16 Nghị định số 94/2018/NĐ-CP.

- Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt kế hoạch vay, trả nợ công hằng năm trước ngày 31 tháng 12 của năm liền kề trước năm kế hoạch.

2.2. Cách thức thực hiện: Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu an toàn nợ công, kế hoạch vay, trả nợ công năm hiện hành

- Dự kiến các chỉ tiêu an toàn nợ công, dự kiến tổng mức vay, trả nợ của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương; hạn mức về cho vay lại và hạn mức bảo lãnh Chính phủ của năm kế hoạch

- Các giải pháp quản lý nợ công để thực hiện kế hoạch

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 11 của năm liền kề trước năm kế hoạch.

- Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 của năm liền kề trước năm kế hoạch.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài chính

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch vay, trả nợ công hằng năm.*

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: *Hằng năm*

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- *Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 84/2026/NĐ-CP bổ sung Điều 16 Nghị định số 94/2018/NĐ-CP;*

- *Điều 24 Luật Quản lý nợ công được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 141/2025/QH15; Nghị định số 84/2026/NĐ-CP./.*